

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2011/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2011

THÔNG TƯ**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng giống cây trồng**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng giống cây trồng:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này 08 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do.

Ký hiệu: QCVN 01-47: 2011/BNNPTNT

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lạc.

Ký hiệu: QCVN 01-48: 2011/BNNPTNT

3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống đậu tương.

Ký hiệu: QCVN 01-49: 2011/BNNPTNT

4. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa lai 3 dòng.

Ký hiệu: QCVN 01-50: 2011/BNNPTNT

5. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa lai 2 dòng.

Ký hiệu: QCVN 01-51: 2011/TTBNNPTNT

6. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng củ giống khoai tây.

Ký hiệu: QCVN 01-52: 2011/TTBNNPTNT

7. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống ngô lai.

Ký hiệu: QCVN 01-53: 2011/TTBNNPTNT

8. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng hạt giống lúa.

Ký hiệu: QCVN 01-54: 2011/TTBNNPTNT

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực sau 6 tháng, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Cục trưởng Cục Trồng trọt, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Bá Bổng

QCVN 01-47: 2011/BNNPTNT**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ THỤ PHẦN TỰ DO**

National Technical Regulation on Seed Quality of Open Pollinated Maize

Lời nói đầu

QCVN 01-47: 2011/BNNPTNT do Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ THỤ PHẦN TỰ DO
National Technical Regulation on Seed Quality of Open Pollinated Maize

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm tra và yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống ngô thụ phần tự do thuộc loài *Zea mays* (L.) trong sản xuất và kinh doanh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất và kinh doanh giống ngô thụ phần tự do tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

- Hạt giống tác giả là hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.
- Hạt giống siêu nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống xác nhận là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng sản xuất hạt giống ngô thụ phần tự do phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác.

2.1.2. Yêu cầu cách ly

Ruộng sản xuất hạt giống ngô thụ phần tự do phải cách ly với các ruộng trồng ngô khác bằng một trong các phương pháp quy định ở Bảng 1.

Bảng 1. Chỉ tiêu chất lượng ruộng giống

| Phương pháp, đơn vị tính | Giống nguyên chủng | Giống xác nhận |
|--------------------------------|---|----------------|
| Cách ly không gian, ít nhất, m | 400 | 300 |
| Cách ly thời gian, ngày | Thời điểm phun râu của ruộng ngô giống phải chênh lệch so với thời điểm tung phấn của các ruộng ngô khác ít nhất 20 ngày. | |

2.1.3. Độ thuần giống

Ruộng sản xuất hạt giống ngô thụ phấn tự do, tại mỗi lần kiểm định phải đạt độ thuần giống như quy định dưới đây:

- Ruộng sản xuất giống nguyên chủng: $\geq 99,5\%$ số cây
- Ruộng sản xuất giống xác nhận: $\geq 99,0\%$ số cây

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 2.

Bảng 2. Tiêu chuẩn chất lượng hạt giống

| Chỉ tiêu | Giống nguyên chủng | Giống xác nhận |
|--|--------------------|----------------|
| Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn | 99,0 | 99,0 |
| Hạt khác giống có thể phân biệt được, số hạt/kg, không lớn hơn | 20 | 40 |
| Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn | 85 | 85 |
| Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn | 12,0 | 12,0 |

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng ruộng giống ngô thụ phấn tự do quy định tại Mục 2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8550: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: ít nhất 3 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Khi ngô được 5 lá đến 7 lá;
- Lần 2: Khi ngô bắt đầu phun râu;
- Lần 3: Trước khi thu hoạch từ 5 ngày đến 7 ngày.

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Lấy mẫu lô hạt giống ngô thụ phấn tự do theo TCVN 8548: 2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8548: 2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.3. Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống

Kiểm tra tính đúng giống và độ thuần hạt giống ngô thụ phấn tự do trên ô thí nghiệm khi cần thiết theo TCVN 8547: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống*.

IV. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận và công bố hợp quy đối với chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hạt giống ngô thụ phấn tự do phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ hạt giống ngô thụ phấn tự do phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống ngô thụ phấn tự do, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

QCVN 01-48: 2011/BNNPTNT**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LẠC***National Technical Regulation on Seed Quality of Groundnut***Lời nói đầu**

QCVN 01-48:2011/BNNPTNT do *Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn*, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LẠC

National Technical Regulation on Seed Quality of Groundnut

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm tra và yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống lạc thuộc loài *Arachis hypogaea* (L.) trong sản xuất, kinh doanh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh hạt giống lạc tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

- Hạt giống tác giả là hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.
- Hạt giống siêu nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống xác nhận là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng sản xuất hạt giống lạc phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác, vụ trước không trồng lạc.

2.1.2. Yêu cầu cách ly

Ruộng sản xuất giống phải cách ly với các ruộng trồng lạc khác ít nhất 3 m.

2.1.3. Độ thuần giống

Tại mỗi lần kiểm định ruộng sản xuất giống lạc phải đạt độ thuần giống theo quy định dưới đây:

- Ruộng sản xuất giống siêu nguyên chủng: 100% số cây;
- Ruộng sản xuất giống nguyên chủng: $\geq 99,5\%$ số cây;
- Ruộng sản xuất giống xác nhận: $\geq 99,0\%$ số cây.

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chất lượng hạt giống lạc phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 1

Bảng 1. Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận |
|--|-------------------|--------------|----------|
| Độ sạch, % khối lượng quả, không nhỏ hơn | 99,0 | 99,0 | 99,0 |
| Quả khác giống có thể phân biệt được, số quả/kg, không lớn hơn | 0 | 1 | 3 |
| Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn | 70 | 70 | 70 |
| Độ ẩm, % khối lượng hạt, không lớn hơn | 10,0 | 10,0 | 10,0 |

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất hạt giống lạc quy định tại Mục 2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8550: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: ít nhất 2 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Khi có khoảng 50% số cây ra hoa;
- Lần 2: Trước khi thu hoạch.

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Lấy mẫu lô hạt giống lạc theo TCVN 8548: 2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lạc quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8548: 2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.3. Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống

Kiểm tra tính đúng giống và độ thuần hạt giống lạc trên ô thí nghiệm khi cần thiết theo TCVN 8547: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống*.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với chất lượng hạt giống lạc thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng hạt giống lạc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hạt giống lạc phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ hạt giống lạc phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ vào yêu cầu quản lý hạt giống lạc, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

QCVN 01-49: 2011/BNNPTNT**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG ĐẬU TƯƠNG***National Technical Regulation on Seed Quality of Soybean***Lời nói đầu**

QCVN 01-49:2011/BNNPTNT do *Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn*, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG ĐẬU TƯƠNG
National Technical Regulation on Seed Quality of Soybean

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm tra và yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống đậu tương thuộc loài *Glycine max* (L.) Merrill trong sản xuất và kinh doanh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh hạt giống đậu tương tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

- Hạt giống tác giả là hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.
- Hạt giống siêu nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống xác nhận là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng sản xuất hạt giống đậu tương phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác, vụ trước không trồng đậu tương.

2.1.2. Yêu cầu cách ly

Ruộng sản xuất giống phải cách ly với các ruộng trồng đậu tương khác ít nhất 3 m.

2.1.3. Độ thuần giống

Tại mỗi lần kiểm định, ruộng sản xuất giống đậu tương phải đạt độ thuần giống theo quy định dưới đây:

- Ruộng sản xuất giống siêu nguyên chủng: 100% số cây;
- Ruộng sản xuất giống nguyên chủng: $\geq 99,5\%$ số cây;
- Ruộng sản xuất giống xác nhận: $\geq 99,0\%$ số cây.

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chất lượng hạt giống đậu tương phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 1.

Bảng 1. Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận |
|--|-------------------|--------------|----------|
| Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn | 99,0 | 99,0 | 99,0 |
| Hạt khác giống có thể phân biệt được, số hạt/kg, không lớn hơn | 0 | 10 | 20 |
| Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn | 70 | 70 | 70 |
| Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn | 12,0 | 12,0 | 12,0 |

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống đậu tương quy định tại Mục 2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8550: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: Ít nhất 2 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Khi có khoảng 50% số cây ra hoa;
- Lần 2: Trước khi thu hoạch từ 5 ngày đến 7 ngày.

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Lấy mẫu lô hạt giống đậu tương theo TCVN 8548:2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.2.2 Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống đậu tương quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8548: 2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.3. Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống

Kiểm tra tính đúng giống và độ thuần hạt giống đậu tương trên ô thí nghiệm khi cần thiết theo TCVN 8547:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống*.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với chất lượng hạt giống đậu tương thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng hạt giống đậu tương thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hạt giống đậu tương phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ hạt giống đậu tương phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ yêu cầu quản lý hạt giống đậu tương, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

QCVN 01-50: 2011/BNNPTNT**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI BA DÒNG**

National Technical Regulation on Seed Quality of Three Line Hybrid Rice

Lời nói đầu

QCVN 01-50: 2011/BNNPTNT do *Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn*, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI BA DÒNG

National Technical Regulation on Seed Quality of Three Line Hybrid Rice

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm tra và yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng thuộc loài *Oryza sativa* (L.) gồm dòng bất dục đực (A), dòng duy trì (B), dòng phục hồi (R) và hạt lai (F₁) trong sản xuất và kinh doanh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất và kinh doanh giống lúa lai ba dòng tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

- Hạt giống tác giả là hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.
- Hạt giống siêu nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống xác nhận là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng nhân dòng bất dục đực A, dòng duy trì B, dòng phục hồi R và sản xuất hạt lai F₁ phải sạch cỏ dại, lúa vụ trước và các cây trồng khác.

2.1.2. Yêu cầu cách ly

Ruộng nhân dòng bất dục đực A, dòng duy trì B, dòng phục hồi R và sản xuất hạt lai F₁ phải cách ly với các ruộng trồng lúa khác ít nhất bằng một trong các phương pháp quy định ở Bảng 1.

Bảng 1. Yêu cầu cách ly

| Ruộng sản xuất | Phương pháp cách ly | | |
|----------------|--|------------------------------------|---------------------------------------|
| | Không gian | Thời gian | Vật cản |
| Dòng A | - Chọn dòng: ít nhất 500 m - Nhân dòng: ít nhất 300 m | Trở trước hoặc sau ít nhất 20 ngày | Địa hình tự nhiên (đê, đồi núi, ...). |

| Ruộng sản xuất | Phương pháp cách ly | | |
|------------------------|--|------------------------------------|---|
| | Không gian | Thời gian | Vật cản |
| Dòng B | - Chọn dòng: ít nhất 50 m - Nhân dòng: ít nhất 20 m | Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày | Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trỗ ít nhất 50 m. |
| Dòng R | - Chọn dòng: ít nhất 20 m - Nhân dòng: ít nhất 3 m | Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày | Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trỗ ít nhất 50 m. |
| Hạt lai F ₁ | Ít nhất 100 m | Trỗ trước hoặc sau ít nhất 20 ngày | Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trỗ ít nhất 50 m. |

2.1.3. Độ thuần giống

Tại mỗi lần kiểm định, ruộng sản xuất giống lúa lai ba dòng phải đạt độ thuần giống theo quy định ở Bảng 2.

Bảng 2. Chỉ tiêu chất lượng ruộng giống

| Cấp giống, đơn vị tính | Ruộng nhân dòng | | | Ruộng sản xuất hạt lai F ₁ |
|--|-----------------|------|------|---------------------------------------|
| | A | B | R | |
| Siêu nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn | 100 | 100 | 100 | - |
| Nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn | 99,9 | 99,9 | 99,9 | - |
| Xác nhận, % số cây, không nhỏ hơn | 99,7 | 99,7 | 99,7 | 99,7 |

2.1.4. Độ bất dục đực của dòng A

Tỷ lệ hạt phấn hữu dục và tỷ lệ kết hạt của dòng A trên ruộng nhân dòng A phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 3.

Bảng 3. Yêu cầu về tỷ lệ hạt phần hữu dục và tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly trên ruộng nhân dòng A

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận |
|--|-------------------|--------------|----------|
| Tỷ lệ hạt phần hữu dục, % số hạt, không lớn hơn | 0 | 0,1 | 0,5 |
| Tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly, % số hạt, không lớn hơn | 0 | 0,1 | 0,3 |

2.1.5. Cỏ dại

Tại mỗi lần kiểm định phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 4

Bảng 4. Yêu cầu về cỏ dại trên đồng ruộng

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Ruộng nhân dòng bố, mẹ | | | Ruộng sản xuất hạt lai F ₁ |
|---|------------------------|--------------|----------|---------------------------------------|
| | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận | |
| Cỏ dại nguy hại ^a , số cây/100m ² , không lớn hơn | 0 | 1 | 3 | 5 |

CHÚ THÍCH: ^a Cỏ lồng vực cạn (*Echinochloa colona*); cỏ lồng vực nước (*Echinochloa crus-galli*); cỏ lồng vực tím (*Echinochloa glabrescens*); cỏ đuôi phượng (*Leplochloa chinensis*); lúa cỏ (*Oryza sativa* L. var. *fatua* Prain).

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 5.

Bảng 5. Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Dòng A, B | | | Dòng R | | | Hạt lai F ₁ |
|---------------------------------------|-------------------|--------------|----------|-------------------|--------------|----------|------------------------|
| | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận | |
| Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn | 99,0 | 99,0 | 99,0 | 99,0 | 99,0 | 99,0 | 98,0 |
| Hạt cỏ dại, số hạt /kg, không lớn hơn | 0 | 5 | 10 | 0 | 5 | 10 | 10 |

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Dòng A, B | | | Dòng R | | | Hạt lai F ₁ |
|---|-------------------|--------------|----------|-------------------|--------------|----------|------------------------|
| | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận | |
| Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn | 0 | 0,01 | 0,05 | 0 | 0,05 | 0,25 | 0.30 |
| Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn | 80 | 80 | 80 | 80 | 80 | 80 | 80 |
| Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn | 13,0 | 13,0 | 13,0 | 13,0 | 13,0 | 13,0 | 13,0 |

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng ruộng giống lúa lai ba dòng quy định tại Mục 2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8550:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: ít nhất 4 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Sau khi cấy hoặc gieo thẳng từ 10 ngày đến 20 ngày;
- Lần 2: Khi lúa trổ từ 1% đến 5%;
- Lần 3: Khi lúa trổ từ 50% đến 70%;
- Lần 4: Trước khi thu hoạch từ 5 ngày đến 7 ngày.

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Lấy mẫu lô hạt giống lúa lai ba dòng theo TCVN 8548:2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8548:2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.3. Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống

Kiểm tra tính đúng giống và độ thuần hạt giống lúa lai ba dòng trên ô thí nghiệm khi cần thiết theo TCVN 8547:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống*.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận và công bố hợp quy đối với chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng hạt giống lúa lai ba dòng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hạt giống lúa lai ba dòng phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ hạt giống lúa lai hai dòng phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ yêu cầu quản lý hạt giống lúa lai ba dòng, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

QCVN 01-51: 2011/BNNPTNT**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI HAI DÒNG**

National Technical Regulation on Seed Quality of Two Line Hybrid Rice

Lời nói đầu

QCVN 01-51: 2011/BNNPTNT do Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA LAI HAI DÒNG

National Technical Regulation on Seed Quality of Two Line Hybrid Rice

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm tra và yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng thuộc loài *Oryza sativa* (L.) gồm dòng mẹ bất dục đực mẫn cảm nhiệt độ (Thermosensitive Genic Male Sterile - TGMS), dòng bố, và hạt lai (F_1) trong sản xuất và kinh doanh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất và kinh doanh giống lúa lai hai dòng tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

- Hạt giống tác giả là hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.
- Hạt giống siêu nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống xác nhận là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng nhân dòng TGMS, dòng bố, và sản xuất hạt lai F_1 phải sạch cỏ dại, lúa vụ trước và các cây trồng khác.

2.1.2. Yêu cầu về nhiệt độ trong giai đoạn mẫn cảm nhiệt độ

Giai đoạn mẫn cảm nhiệt độ của dòng TGMS từ đầu bước 4 đến cuối bước 6 (phân chia theo Đỉnh Dĩnh) của quá trình phân hóa dòng (trước khi lúa trổ từ 18 ngày đến 10 ngày).

Đối với sản xuất hạt lai F_1 : nhiệt độ trung bình hàng ngày trong giai đoạn này phải cao hơn ngưỡng nhiệt độ gây chuyển đổi tính dục của từng dòng bất dục đực.

2.1.3. Yêu cầu cách ly

Ruộng nhân dòng bố, mẹ, và sản xuất hạt lai F_1 phải cách ly với các ruộng trồng lúa khác ở xung quanh bằng một trong các phương pháp quy định ở Bảng 1.

Bảng 1. Yêu cầu cách ly

| Ruộng sản xuất | Phương pháp cách ly | | |
|----------------|--|------------------------------------|---|
| | Không gian | Thời gian | Vật cản |
| Dòng TGMS | - Chọn dòng: ít nhất 300 m - Nhân dòng: ít nhất 300 m | Trở trước hoặc sau ít nhất 20 ngày | Địa hình tự nhiên (đê, đồi núi, ...). |
| Dòng bố | - Chọn dòng: ít nhất 50 m - Nhân dòng: ít nhất 20 m | Trở trước hoặc sau ít nhất 15 ngày | Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trở ít nhất 50 m. |
| Hạt lai F_1 | ít nhất 100 m | Trở trước hoặc sau ít nhất 20 ngày | Hàng rào chắn (đê, tường, đồi núi, ni lon...) cao ít nhất 2,5 m, cách các ruộng lúa khác cùng trở ít nhất 50 m. |

2.1.4. Độ thuần giống

Ruộng nhân dòng TGMS, dòng bố, và sản xuất hạt lai F_1 , tại mỗi lần kiểm định phải đạt độ thuần giống theo quy định ở Bảng 2.

Bảng 2. Chỉ tiêu độ thuần giống

| Cấp giống, đơn vị tính | Dòng TGMS | Dòng bố | Ruộng sản xuất hạt lai F_1 |
|--|-----------|---------|------------------------------|
| Siêu nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn | 100 | 100 | - |
| Nguyên chủng, % số cây, không nhỏ hơn | 99,9 | 99,9 | - |
| Xác nhận, % số cây, không nhỏ hơn | 99,7 | 99,7 | 99,7 |

2.1.5. Mức độ bắt dục dục của dòng TGMS

Tỷ lệ hạt phần hữu dục và tỷ lệ kết hạt của dòng TGMS trên ruộng nhân dòng phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 3.

Bảng 3. Yêu cầu tỷ lệ hạt phần hữu và tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly trên ruộng sản xuất hạt lai F_1

| Chỉ tiêu | Hạt lai F_1 |
|--|---------------|
| Tỷ lệ hạt phần hữu dục, % số hạt, không lớn hơn | 0,5 |
| Tỷ lệ kết hạt trong bao cách ly, % số hạt, không lớn hơn | 0,3 |

2.1.6. Cỏ dại

Tại mỗi lần kiểm định, phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 4.

Bảng 4. Yêu cầu về cỏ dại trên ruộng nhân dòng và ruộng sản xuất hạt lai

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Ruộng nhân dòng bố, mẹ | | | Ruộng sản xuất hạt lai F ₁ |
|--|------------------------|--------------|----------|---------------------------------------|
| | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận | |
| Cỏ dại nguy hại ^a , số cây /100m ² , không lớn hơn | 0 | 1 | 3 | 5 |
| CHÚ THÍCH: ^a Cỏ lồng vực cạn (<i>Echinochloa colona</i>); cỏ lồng vực nước (<i>Echinochloa crus-galli</i>); cỏ lồng vực tím (<i>Echinochloa glabrescens</i>); cỏ đuôi phượng (<i>Leplochloa chinensis</i>); lúa cỏ (<i>Oryza sativa</i> L. var. <i>fatua</i> Prain). | | | | |

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 5.

Bảng 5 - Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

| Chỉ tiêu | Dòng TGMS | | | Dòng bố | | | Hạt lai F ₁ |
|---|-------------------|--------------|----------|-------------------|--------------|----------|------------------------|
| | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận | |
| Độ sạch, % khối lượng không nhỏ hơn | 99,0 | 99,0 | 99,0 | 99,0 | 99,0 | 99,0 | 98,0 |
| Hạt cỏ dại, số hạt/kg, không lớn hơn | 0 | 5 | 10 | 0 | 5 | 10 | 10 |
| Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn | 0 | 0,01 | 0,05 | 0 | 0,05 | 0,25 | 0,30 |
| Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn | 80 | 80 | 80 | 80 | 80 | 80 | 80 |
| Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn | 13,0 | 13,0 | 13,0 | 13,0 | 13,0 | 13,0 | 13,0 |

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA**3.1. Phương pháp kiểm định**

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng ruộng giống lúa lai hai dòng quy định tại Mục 2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8550:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: ít nhất 4 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Sau khi cấy hoặc gieo thẳng từ 10 ngày đến 20 ngày;
- Lần 2: Khi lúa trổ từ 1% đến 5%;
- Lần 3: Khi lúa trổ từ 50% đến 70%;
- Lần 4: Trước khi thu hoạch từ 5 ngày đến 7 ngày.

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Lấy mẫu lô hạt giống lúa lai hai dòng theo TCVN 8548:2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8548:2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.3. Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống

Kiểm tra tính đúng giống và độ thuần hạt giống lúa lai hai dòng trên ô thí nghiệm khi cần thiết theo TCVN 8547:2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống*.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận và công bố hợp quy đối với chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng hạt giống lúa lai hai dòng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hạt giống lúa lai hai dòng phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ hạt giống lúa lai hai dòng phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ yêu cầu quản lý giống lúa lai hai dòng, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

QCVN 01-52: 2011/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG CỦ GIỐNG KHOAI TÂY**

National Technical Regulation on Seed Tuber Quality of Potato

Lời nói đầu

QCVN 01-52: 2011/BNNPTNT do Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG CỦ GIỐNG KHOAI TÂY**

National Technical Regulation on Seed Tuber Quality of Potato

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm tra và yêu cầu quản lý chất lượng củ giống khoai tây thuộc loài *Solanum tuberosum* (L.) trong sản xuất và kinh doanh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất và kinh doanh củ giống khoai tây tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

- Củ giống siêu nguyên chủng là củ giống được nhân ra từ nuôi cấy invitro và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

- Củ giống nguyên chủng là củ giống được nhân ra từ củ giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

- Củ giống xác nhận là củ giống được nhân ra từ củ giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng sản xuất củ giống khoai tây phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác, vụ trước không trồng khoai tây.

2.1.2. Yêu cầu cách ly: Ruộng sản xuất củ giống khoai tây phải được cách ly như sau:

- Giống siêu nguyên chủng phải được nhân trong nhà lưới cách ly côn trùng;
- Giống nguyên chủng phải được nhân trong vùng cách ly an toàn về không gian hoặc thời gian;
- Giống xác nhận phải được nhân cách ruộng trồng khoai tây khác ít nhất 5 m.

2.1.3. Các chỉ tiêu chất lượng

Ruộng sản xuất củ giống khoai tây phải đảm bảo yêu cầu theo quy định ở Bảng 1.

Bảng 1. Yêu cầu chất lượng ruộng giống

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận |
|---|-------------------|--------------|----------|
| Độ thuần giống, % số cây, không nhỏ hơn | 100 | 99,7 | 98,0 |

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận |
|---|-------------------|--------------|----------|
| Virut nặng (cuốn lá Y, A và hỗn hợp), % số cây, không lớn hơn | 0 | 1 | - |
| Virut nhẹ (X, S, M), % số cây, không lớn hơn | 0,2 | 3 | - |
| Virut tổng số, % số cây, không lớn hơn | - | - | 10 |
| Héo xanh (<i>Ralstonia solanacearum</i>), % số cây, không lớn hơn | 0 | 0 | 0,5 |
| Mốc sương, cấp bệnh ^a , không lớn hơn | 1 | 3 | 3 |
| Chú thích: a: cấp 1 không nhiễm bệnh, cấp 3: < 20% diện tích thân lá nhiễm bệnh | | | |

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng củ giống khoai tây

Củ giống khoai tây phải đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng theo quy định ở Bảng 2.

Bảng 2. Tiêu chuẩn chất lượng củ giống

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận |
|--|-------------------|--------------|----------|
| 1. Bệnh vi rút, % số củ, không lớn hơn | 5 | 8 | - |
| 2. Bệnh thối khô (<i>Fusarium spp.</i>), bệnh thối ướt (<i>Sclerotium rolfsii</i>), % số củ, không lớn hơn | 0 | 1,0 | 1,5 |
| 3. Rệp sáp (<i>Pseudococcus citri</i> Russo), số con sống/ 100 củ, không lớn hơn | 0 | 0 | 2 |
| 4. Củ xây xát, dị dạng, % số củ, không lớn hơn | 2 | 2 | 5 |
| 5. Củ khác giống có thể phân biệt được, % số củ, không lớn hơn | 0 | 0,5 | 2,0 |
| 6. Củ có kích thước nhỏ hơn 30mm, % số củ, không lớn hơn | - | - | 5 |

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng ruộng giống khoai tây quy định tại Mục 2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8550: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: ít nhất 3 lần tại các thời điểm:

- Lần 1: Sau khi trồng 30 ngày;
- Lần 2: Sau khi trồng 45 ngày;
- Lần 3: Trước khi thu hoạch từ 5 ngày đến 7 ngày.

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Lấy mẫu lô giống củ khoai tây theo TCVN 8549:2011 *Giống khoai tây - Phương pháp kiểm nghiệm củ giống*.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng củ giống khoai tây quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8549:2011 *Củ giống khoai tây - Phương pháp kiểm nghiệm*.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận và công bố hợp quy đối với chất lượng củ giống khoai tây thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng củ giống khoai tây theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh củ giống khoai tây phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ củ giống khoai tây phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ yêu cầu quản lý củ giống khoai tây, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

QCVN 01-53: 2011/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ LAI**

National Technical Regulation on Seed Quality of Hybrid Maize

Lời nói đầu

QCVN 01-53: 2011/BNNPTNT do *Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn*, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG NGÔ LAI**

National Technical Regulation on Seed Quality of Hybrid Maize

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định các chỉ tiêu, mức giới hạn, phương pháp kiểm tra và yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống ngô lai thuộc loài *Zea mays* (L.) bao gồm dòng bố mẹ (Parental line), giống ngô lai quy ước (Conventional hybrid), giống ngô lai không quy ước (Non-conventional hybrid) trong sản xuất, kinh doanh.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh hạt giống ngô lai tại Việt Nam.

II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng nhân dòng bố, mẹ và sản xuất hạt giống ngô lai F₁ phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác.

2.2.2. Yêu cầu cách ly

Ruộng nhân dòng bố, mẹ và sản xuất hạt giống ngô lai F₁ phải cách ly với các ruộng trồng ngô khác bằng một trong các phương pháp quy định ở Bảng 1.

Bảng 1. Yêu cầu cách ly ruộng giống

| Phương pháp, đơn vị tính | Ruộng nhân dòng bố mẹ | Ruộng sản xuất hạt lai F ₁ |
|--|--|---------------------------------------|
| 1. Cách ly không gian, m | | |
| - Giữa ruộng giống với các ruộng ngô khác, ít nhất | 500 | 300 |
| - Giữa các ruộng sản xuất hạt lai F ₁ có chung bố | - | 5 |
| 2. Cách ly thời gian, ngày | Thời điểm phun râu của cây mẹ trong ruộng giống phải chênh lệch so với thời điểm tung phấn của các ruộng ngô khác ít nhất 20 ngày. | |

2.1.3. Độ thuần giống

Ruộng nhân dòng bố mẹ, sản xuất hạt giống ngô lai F₁, tại mỗi lần kiểm định, phải đạt độ thuần giống theo quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Chỉ tiêu chất lượng ruộng giống

| Chỉ tiêu, đơn vị tính | Dòng bố mẹ | Giống lai quy ước | Giống lai không quy ước |
|--|------------|-------------------|-------------------------|
| Độ thuần bố, % số cây, không nhỏ hơn | 99,9 | 99,5 | 99,0 |
| Độ thuần mẹ, % số cây, không nhỏ hơn | 99,9 | 99,5 | 99,5 |
| Số cây mẹ chưa khử hết bao phần tại lần kiểm định 3, % số cây, không lớn hơn | - | 0,5 | 0,5 |

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống

Chất lượng hạt giống ngô lai phải đạt yêu cầu theo quy định ở Bảng 3.

Bảng 3. Chỉ tiêu chất lượng hạt giống

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Dòng bố mẹ | Hạt lai F ₁ |
|--|--------------|------------|------------------------|
| 1. Độ sạch, không nhỏ hơn | % khối lượng | 99,0 | 99,0 |
| 2. Tỷ lệ nảy mầm, không nhỏ hơn ^a | % số hạt | 85 | 85 |
| 3. Độ ẩm, không lớn hơn | % khối lượng | 11,5 | 11,5 |

CHÚ THÍCH: ^a đối với ngô ngọt, tỷ lệ nảy mầm không nhỏ hơn 80%

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA**3.1. Phương pháp kiểm định**

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng ruộng giống ngô lai quy định tại Mục 2.1 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8550: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: ít nhất 4 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Khi cây được 5 lá đến 7 lá;
- Lần 2: Khi có 1% đến 5% số cây mẹ phun râu;
- Lần 3: Khi có khoảng 70% số cây mẹ phun râu;
- Lần 4: Trước khi thu hoạch từ 5 ngày đến 10 ngày.

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Lấy mẫu lô hạt giống ngô lai theo TCVN 8548: 2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.2.1. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống ngô lai quy định tại Mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8548: 2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.3. Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống

Kiểm tra tính đúng giống và độ thuần hạt giống ngô lai trên ô thí nghiệm khi cần thiết theo TCVN 8547: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần của lô hạt giống*.

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận và công bố hợp quy đối với chất lượng hạt giống ngô lai thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng hạt giống ngô lai thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hạt giống ngô lai phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ hạt giống ngô lai phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ yêu cầu quản lý chất lượng hạt giống ngô lai, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

QCVN 01-54: 2011/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA**
National Technical Regulation on Seed Quality of Rice

Lời nói đầu

QCVN 01-54: 2011/BNNPTNT do *Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng và phân bón Quốc gia biên soạn*, Cục Trồng trọt trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Thông tư số 45/2011/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CHẤT LƯỢNG HẠT GIỐNG LÚA**
National Technical Regulation on Seed Quality of Rice

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này áp dụng cho hạt giống lúa thuộc loài *Oryza sativa L.*, không áp dụng cho hạt giống lúa lai.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất và kinh doanh hạt giống lúa tại Việt Nam.

1.3. Giải thích từ ngữ

- Hạt giống lúa tác giả là hạt giống thuần do tác giả chọn, tạo ra.
- Hạt giống lúa siêu nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống tác giả hoặc phục tráng từ hạt giống sản xuất theo quy trình phục tráng hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống lúa nguyên chủng là hạt giống được nhân ra từ hạt giống siêu nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống lúa xác nhận 1 là hạt giống được nhân ra từ hạt giống nguyên chủng và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.
- Hạt giống lúa xác nhận 2 là hạt giống được nhân ra từ hạt giống xác nhận 1 và đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Ruộng sản xuất giống

2.1.1. Yêu cầu về đất

Ruộng sản xuất hạt giống lúa phải sạch cỏ dại và các cây trồng khác, không có lúa chết và lúa mọc từ hạt rụng của vụ trước.

2.1.2. Yêu cầu về cách ly

Ruộng sản xuất giống phải cách ly với các ruộng trồng lúa khác ở xung quanh bằng một trong các phương pháp quy định ở Bảng 1.

Bảng 1. Yêu cầu về cách ly

| Ruộng sản xuất giống | Phương pháp cách ly | |
|--|---------------------|------------------------------------|
| | Cách ly không gian | Cách ly thời gian |
| Siêu nguyên chủng | Ít nhất 20m | Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày |
| Nguyên chủng, Xác nhận 1 và Xác nhận 2 | Ít nhất 3m | Trỗ trước hoặc sau ít nhất 15 ngày |

2.1.3. Độ thuần giống và cỏ dại

Tại mỗi lần kiểm định ruộng sản xuất giống lúa phải đáp ứng các quy định về độ thuần và cỏ dại nguy hại theo quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Chỉ tiêu độ thuần giống và cỏ dại

| Chỉ tiêu | Ruộng sản xuất giống | | | |
|--|----------------------|--------------|------------|------------|
| | Siêu nguyên chủng | Nguyên chủng | Xác nhận 1 | Xác nhận 2 |
| 1. Độ thuần ruộng giống, % số cây, không nhỏ hơn | 100 | 99,9 | 99,5 | 99,0 |
| 2. Cỏ dại nguy hại ^a , số cây/100m ² , không lớn hơn | 0 | 5 | 10 | 15 |
| <i>Chú thích: ^a Cỏ lồng vực cạn (Echinochloa colona); cỏ lồng vực nước (Echinochloa crusgalli.); cỏ lồng vực tím (Echinochloa.glabrescens); cỏ đuôi phượng (Leptochloa chinensis); lúa cỏ (Oryza sativa L. var fatua Prain)</i> | | | | |

2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa

Các chỉ tiêu chất lượng của hạt giống lúa phải đáp ứng theo quy định tại Bảng 3.

Bảng 3. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa

| Chỉ tiêu | Hạt giống siêu nguyên chủng | Hạt giống nguyên chủng | Hạt giống xác nhận 1 | Hạt giống xác nhận 2 |
|--|-----------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| 1. Độ sạch, % khối lượng, không nhỏ hơn | 99,0 | 99,0 | 99,0 | 99,0 |
| 2. Hạt khác giống có thể phân biệt được, % số hạt, không lớn hơn | 0 | 0,05 | 0,3 | 0,5 |
| 3. Hạt cỏ dại nguy hại ^a , số hạt/kg, không lớn hơn | 0 | 5 | 10 | 15 |
| 4. Tỷ lệ nảy mầm, % số hạt, không nhỏ hơn | 80 | 80 | 80 | 80 |
| 5. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn | 13,5 | 13,5 | 13,5 | 13,5 |
| <i>Ghi chú: ^a Cỏ lồng vực cạn (Echinochloa colona); cỏ lồng vực nước (Echinochloa crusgalli.); cỏ lồng vực tím (Echinochloa.glabrescens); cỏ đuôi phượng (Leptochloa chinensis); lúa cỏ (Oryza sativa L. var fatua Prain)</i> | | | | |

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

3.1. Phương pháp kiểm định

3.1.1. Các chỉ tiêu chất lượng của ruộng sản xuất giống lúa quy định ở mục 2.1 của quy chuẩn này được kiểm định theo TCVN 8550: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm định ruộng giống*.

3.1.2. Số lần kiểm định: Ít nhất 3 lần tại các thời điểm sau:

- Lần 1: Sau cấy hoặc gieo thẳng 10 đến 20 ngày

- Lần 2: Khi trổ khoảng 50%

- Lần 3: Trước thu hoạch từ 5 đến 7 ngày

3.2. Phương pháp kiểm nghiệm

3.2.1. Phương pháp lấy mẫu lô hạt giống lúa theo TCVN 8548: 2011 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.2.2. Các chỉ tiêu chất lượng hạt giống lúa quy định tại mục 2.2 của Quy chuẩn kỹ thuật này được xác định theo TCVN 8548: 2010 *Hạt giống cây trồng - Phương pháp kiểm nghiệm*.

3.3. Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống trên ô thí nghiệm

Kiểm tra tính đúng giống và độ thuần giống trên ô thí nghiệm khi cần thiết theo theo TCVN 8547: 2011 *Giống cây trồng - Phương pháp kiểm tra tính đúng giống và độ thuần lô hạt giống*

IV. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

4.1. Việc chứng nhận và công bố hợp quy đối với chất lượng hạt giống lúa thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

4.2. Việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về chất lượng hạt giống lúa thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp luật hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

5.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh hạt giống lúa phải công bố tiêu chuẩn áp dụng và không được trái với quy định tại Mục II của Quy chuẩn này; thực hiện việc chứng nhận và công bố hợp quy theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

5.2. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ hạt giống lúa phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Trồng trọt có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này. Căn cứ yêu cầu quản lý hạt giống lúa, Cục Trồng trọt có trách nhiệm kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này.

6.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn viện dẫn hoặc hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.